

Số 263 /QĐ- TCTK

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và thực hiện các Chương trình, Dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định số 40/2004/ND-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 93/2007/ND-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/ND-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý chương trình, dự án ODA và Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý và thực hiện các Chương trình, Dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đc Bộ trưởng (đề bc);
- Đc Thủ trưởng kiêm TCT (đề bc);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Lưu: VT, HTQT.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Thức



QUY CHẾ

**Quản lý và thực hiện các chương trình, dự án
của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ- TCTK
ngày 15 tháng 5 năm 2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh toàn bộ hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài (gọi tắt là các Chương trình, Dự án), bao gồm: các chương trình, dự án, các Quỹ, các tiểu dự án/Hợp phần dự án/ Đề án, các Dự án khu vực sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) không hoàn lại, ODA vay ưu đãi, ODA vay hỗn hợp của nước ngoài; và các dự án hợp tác với tổ chức nước ngoài mà Tổng cục Thống kê là đơn vị chủ trì triển khai thực hiện.

2. Quy chế này được áp dụng đối với tất cả các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Khuyến khích các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Tổng cục Thống kê, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của mình, tích cực và chủ động trong việc vận động thu hút các Chương trình, Dự án phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ngành Thống kê.

2. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài phải đi đôi với việc nâng cao hiệu quả sử dụng và phù hợp với khả năng tiếp nhận của các đơn vị thực hiện.

3. Các Chương trình, Dự án phải được tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ và mục tiêu phát triển của Ngành Thống kê.

4. Phân định rõ trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và phát huy tính chủ động của đơn vị thực hiện Chương trình, Dự án.

5. Tổng cục Thống kê thống nhất quản lý tập trung Chương trình, Dự án do các đơn vị thuộc Tổng cục thực hiện.

Chương II

VẬN ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 3. Xây dựng danh mục các Chương trình, Dự án

1. Trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng Danh mục yêu cầu tài trợ và theo từng nhà tài trợ cụ thể, các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê chủ động xây dựng các Chương trình, Dự án cần tài trợ hoặc hợp tác với nước ngoài có kèm theo Đề cương chi tiết gửi Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng.

2. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Tổng cục thực hiện việc tổng hợp chung, phân loại, lựa chọn và xếp thứ tự ưu tiên thành Danh mục các Chương trình, Dự án yêu cầu tài trợ và hợp tác với nước ngoài của Tổng cục (sau đây gọi tắt là Danh mục các Chương trình, Dự án) để trình Tổng cục trưởng xem xét và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Căn cứ vào Danh mục các Chương trình, Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, Vụ Hợp tác quốc tế thừa lệnh Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thông báo tới các đơn vị liên quan trong Tổng cục để vận động tài trợ.

4. Trường hợp phát sinh ngoài Danh mục các Chương trình, Dự án, đơn vị đề xuất phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan sau khi đã nhận được sự nhất trí của nhà tài trợ trình Tổng cục trưởng xem xét báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung vào Danh mục các Chương trình, Dự án.

Điều 4. Vận động tài trợ nước ngoài đối với các Chương trình, Dự án

1. Vận động tài trợ cho các Chương trình, Dự án là hoạt động thường xuyên, được thực hiện dưới các hình thức khác nhau nhằm tìm kiếm nguồn tài trợ nước ngoài hoặc đối tác nước ngoài cho từng Chương trình, Dự án cụ thể. Cơ sở vận động là Danh mục các Chương trình, Dự án của Tổng cục Thống kê được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

2. Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị chủ trì giúp Tổng cục trưởng trong công tác tổ chức, vận động các Chương trình, Dự án và có trách nhiệm hỗ trợ các đơn

vị trong công tác vận động để các nhà tài trợ hoặc đối tác nước ngoài đưa ra các cam kết đối với các Chương trình, Dự án cụ thể.

Chương III

CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NỘI DUNG VÀ KÝ KẾT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 5. Chuẩn bị và xây dựng văn kiện Chương trình, Dự án

1. Sau khi nhận được thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Danh mục tài trợ chính thức đối với Chương trình, Dự án:

a) Đối với các Chương trình, Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định giao nhiệm vụ chủ dự án hoặc đề nghị Bộ trưởng ủy quyền cho Tổng cục trưởng ra quyết định giao nhiệm vụ chủ dự án.

b) Đối với các Chương trình, Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê trực tiếp làm chủ dự án hoặc giao một đơn vị trong Tổng cục trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, Dự án.

2. Căn cứ thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Danh mục tài trợ chính thức các Chương trình, Dự án, Lãnh đạo Tổng cục giao đơn vị chủ trì xây dựng văn kiện chương trình, dự án, tổ chức thẩm định và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt.

3. Nhiệm vụ của chủ dự án hoặc của đơn vị được giao quản lý dự án trong trường hợp Tổng cục Thống kê trực tiếp làm chủ dự án trong việc chuẩn bị nội dung Chương trình, Dự án là:

a) Chủ động phối hợp với nhà tài trợ xây dựng văn kiện Chương trình, Dự án bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, bảo đảm sự hài hoà giữa quy trình, thủ tục của Việt Nam và của nhà tài trợ; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị liên quan về những nội dung của Chương trình, Dự án;

b) Thỏa thuận với nhà tài trợ về nội dung văn kiện Chương trình, Dự án để trình Lãnh đạo Tổng cục tổ chức thẩm định và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp với Vụ Kế hoạch tài chính lập dự toán vốn đối ứng chuẩn bị Chương trình, Dự án và tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của Tổng cục;

d) Ngoài các nội dung trên, chủ dự án thực hiện công tác xây dựng văn kiện Chương trình, Dự án theo các nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ và theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quy chế.

4. Nội dung của Văn kiện Chương trình, Dự án:

a) Văn kiện Chương trình, Dự án phải được xây dựng trên cơ sở đặc thù và yêu cầu của từng loại hình Chương trình, Dự án tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, bảo đảm sự hài hoà giữa quy trình, thủ tục của Việt Nam, của nhà tài trợ hoặc của đối tác nước ngoài.

b) Văn kiện Chương trình, Dự án bao gồm các nội dung chính như: mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời hạn, và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan.

c) Đối với văn kiện Chương trình, Dự án ODA được xây dựng theo quy định tại Điều 13, 14 và 15 của Nghị định 131/2006/NĐ-CP, ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt Chương trình, Dự án

1. Các Chương trình, Dự án trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được thẩm định và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kết quả thẩm định theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Hồ sơ thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt Chương trình, Dự án;

b) Văn kiện Chương trình, Dự án (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có));

c) Toàn bộ các văn bản, ý kiến tham gia của các đơn vị, các cơ quan liên quan trong quá trình chuẩn bị Chương trình, Dự án, các văn bản thỏa thuận, ban ghi nhớ với nhà tài trợ hoặc đại diện của nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);

3. Phạm vi thẩm định: thẩm định nội dung dự thảo văn kiện Chương trình, Dự án;

4. Hình thức thẩm định: Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối tư vấn cho Lãnh đạo Tổng cục tiến hành thẩm định dự án theo một trong hai hình thức dưới đây:

a) Tổng hợp ý kiến thẩm định:

- Thành lập một Hội đồng thẩm định hoặc gửi Văn kiện dự án cho một số chuyên gia được chỉ định để lấy ý kiến thẩm định.

- Hình thức này áp dụng đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật có nội dung rõ ràng, nhất quán với đề cương chi tiết của dự án trong danh mục yêu cầu tài trợ ODA đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ý kiến đồng thuận của các cơ quan được tham vấn về nội dung dự án.

b) Tổ chức hội nghị thẩm định:

Trong trường hợp không tổ chức thẩm định theo hình thức tổng hợp ý kiến thẩm định, Tổng cục chỉ định chủ tọa, thư ký và tiến hành hội nghị thẩm định lấy ý kiến của các đơn vị liên quan.

5. Sau khi thẩm định, Vụ Hợp tác quốc tế lập báo cáo kết quả thẩm định kèm theo biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

6. Báo cáo và Biên bản thẩm định được gửi kèm theo văn kiện dự án (tiếng Việt và tiếng Anh) trình Bộ trưởng, hoặc Tổng cục trưởng theo ủy quyền của Bộ trưởng trình phê duyệt.

Điều 7. Đàm phán, ký kết Chương trình, Dự án

1. Theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê tiến hành ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về ODA.

2. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với chủ dự án tổ chức lễ ký kết theo đúng trình tự, thủ tục ký kết điều ước quốc tế về ODA tại điều 20, 21, và 22 của Nghị định 131/2006/NĐ-CP.

3. Tổng cục Thống kê cử đại diện tham gia đàm phán theo ủy quyền.

Chương IV

QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 8. Phân công trách nhiệm

1. Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối, tham mưu giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê điều phối và quản lý toàn diện các Chương trình, Dự án, có chức năng, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch vận động thu hút ODA hàng năm phù hợp với chiến lược phát triển Ngành và lĩnh vực ưu tiên của các Nhà tài trợ;

b) Thông báo danh mục tài trợ chính thức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến các đơn vị có chương trình, dự án để chuẩn bị các nội dung tiếp theo;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn chủ dự án xây dựng văn kiện dự án;

d) Là đầu mối chung quản lý, theo dõi toàn bộ quá trình thực hiện chương trình, dự án ODA của Ngành Thống kê;

đ) Là đầu mối, phối hợp với Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ chuyên ngành hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý dự án (được Tổng cục quyết định thành lập) rà soát, cập nhật kế hoạch thực hiện tổng thể chương trình, dự án ODA;

e) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các Ban quản lý dự án theo chỉ đạo của Tổng cục trưởng;

g) Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, dự án ODA, lập báo cáo tổng hợp định kỳ (6 tháng, một năm), báo cáo đánh giá hiệu quả chương trình, dự án và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định;

z) **Vụ Kế hoạch tài chính** là đơn vị tham mưu giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê trong việc theo dõi và quản lý về tài chính, kế toán, quản lý tài sản và mua sắm đấu thầu của các Chương trình, Dự án, bao gồm cả nguồn tài trợ của nước ngoài và nguồn vốn đối ứng trong nước, có các chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Hướng dẫn chủ dự án các nội dung về kinh tế, phân kỳ đầu tư, hiệu quả dự án, các khoản đóng góp của phía Việt Nam (vốn đối ứng) và xem xét tính hợp lý nội dung các khoản chi từ khoản nước ngoài tài trợ trong quá trình xây dựng văn kiện dự án;

b) Tổng hợp kế hoạch ngân sách hàng năm của các Chương trình, Dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định;

c) Bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án theo đề xuất của chủ dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn Ban quản lý dự án sử dụng vốn theo đúng quy định;

d) Hướng dẫn Ban quản lý dự án xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức chi tiêu đối với Chương trình, Dự án;

đ) Hướng dẫn Ban quản lý dự án lập kế hoạch tài chính, giải ngân, chế độ kế toán, báo cáo tài chính trình Tổng cục, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo nội dung đã phê duyệt;

e) Chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các Vụ có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu của các nhà thầu tham gia các chương trình, dự án do Tổng cục Thống kê quản lý.

g) Thẩm định trình Tổng cục trưởng phê duyệt dự toán và quyết toán Chương trình, Dự án;

h) Hướng dẫn việc quản lý, bàn giao tài sản và kết quả dự án cho các đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Vụ Tổ chức cán bộ là đơn vị tham mưu giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê trong việc xác lập cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện các Chương trình, Dự án; theo dõi và quản lý về nhân sự, điều phối các hoạt động đào tạo và tăng cường năng lực trong khuôn khổ các Chương trình, Dự án, có các chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các Vụ liên quan đề xuất Chủ dự án, Ban chỉ đạo dự án, Ban quản lý dự án, Giám đốc dự án, trình Tổng cục trưởng quyết định;

b) Hỗ trợ Ban quản lý dự án trong việc tuyển chọn nhân sự để thực hiện Chương trình, Dự án;

c) Hướng dẫn Ban quản lý dự án xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động, theo dõi kiểm tra việc thực hiện quy chế.

Văn phòng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án quản lý thống nhất tài sản của các Chương trình, Dự án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình, hỗ trợ các thủ tục hành chính trong quá trình giao dịch của dự án, có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ công tác văn phòng, văn thư, lưu trữ cho Ban quản lý dự án;

b) Phối hợp với Ban quản lý dự án quản lý, bảo quản, bàn giao và xử lý các tài sản của dự án trong khi thực hiện Chương trình, Dự án và sau khi kết thúc Chương trình, Dự án theo quy định của pháp luật.

5. Các đơn vị thực hiện Chương trình, Dự án chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng về việc tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình, Dự án đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, các quy định của Tổng cục Thống kê và các cam kết thoả thuận với phía nước ngoài về Chương trình, Dự án.

6. Các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến Chương trình, Dự án theo quy định của quy chế này, chịu trách nhiệm xem xét và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến Chương trình, Dự án trong thời gian quy định khi được yêu cầu: tham gia thẩm định, nghiệm thu, bàn giao hoặc nhận bàn giao các

kết quả của Chương trình, Dự án sau khi kết thúc khi được yêu cầu và có biện pháp để duy trì, phát huy kết quả này.

Điều 9. Tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình, Dự án

1. Chủ dự án

a) Trường hợp Tổng cục Thống kê là chủ Chương trình, Dự án thì Tổng cục trưởng giao nhiệm vụ chủ dự án cho một Ban quản lý hoặc một đơn vị thuộc Tổng cục làm Chủ dự án;

b) Chủ dự án có nhiệm vụ trực tiếp quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng (nếu có) để thực hiện nội dung Chương trình, Dự án và chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về tiến độ, chất lượng và hiệu quả của chương trình, dự án.

c) Mọi quan hệ trách nhiệm giữa chủ dự án với ban quản lý dự án, cơ quan chủ quản các cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các Ban quản lý chương trình, dự án ODA

2. Ban quản lý dự án

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định thành lập Ban quản lý Chương trình, Dự án (gọi tắt là Ban quản lý dự án) sau khi Chương trình, Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trình tự thành lập, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án, mối quan hệ trách nhiệm giữa Ban quản lý dự án với chủ dự án, các cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý chương trình, dự án ODA;

c) Vụ Tổ chức Cán bộ chủ trì phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan đề xuất nhân sự cho Ban quản lý dự án. Thành viên của Ban quản lý dự án phải có đại diện của Vụ Hợp tác Quốc tế;

d) Đối với loại hình Chương trình, Dự án hợp tác hoặc Chương trình, Dự án khu vực không nhất thiết phải thành lập Ban quản lý dự án, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sẽ giao nhiệm vụ triển khai cụ thể cho một đơn vị dựa trên đề xuất của Chủ dự án hoặc của đơn vị được giao chuẩn bị chương trình, dự án (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì);

đ) Ban quản lý dự án có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tuyển chọn cán bộ, nhân viên đủ số lượng và năng lực theo yêu cầu của Chương trình, Dự án;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách (tháng, quý, năm và dài hạn) của Chương trình, Dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Lập kế hoạch và thủ tục rút vốn đối ứng trong nước và vốn nước ngoài theo tiến độ của Chương trình, Dự án;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) về Tổng cục, các Bộ ngành liên quan và nhà tài trợ theo quy định và thoả thuận với nhà tài trợ;
- Chu trì việc tuyển chọn chuyên gia trong nước và chuyên gia nước ngoài làm việc cho dự án theo kế hoạch của Chương trình, Dự án;
- Tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn, nhà thầu mua sắm thiết bị cho dự án theo các quy định hiện hành của Nhà nước và thoả thuận với Nhà tài trợ;
- Tổ chức theo dõi, đôn đốc thực hiện các hoạt động của Chương trình, Dự án;
- Quản lý hoạt động của các chuyên gia làm việc cho Chương trình, Dự án;
- Tổ chức giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình, Dự án và sơ kết, tổng kết tiến độ triển khai dự án theo định kỳ và khi kết thúc Chương trình, Dự án; báo cáo kết quả thực hiện với Tổng cục Thống kê và Nhà tài trợ;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định tại văn kiện dự án hoặc quyết định thành lập.

e) Giám đốc (hoặc Trưởng ban) quản lý dự án là người đứng đầu Ban quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước Chủ dự án, Tổng cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban quản lý dự án và mọi vấn đề liên quan đến việc quản lý thực hiện Chương trình, Dự án thuộc trách nhiệm của Ban quản lý dự án.

Điều 10. Theo dõi, đánh giá Chương trình, Dự án

1. Theo dõi Chương trình, Dự án là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật toàn bộ các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình, Dự án; Phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có đề xuất và thực thi các biện pháp cần thiết để khắc phục.

2. Đánh giá Chương trình, Dự án là hoạt động định kỳ, xem xét toàn diện, có hệ thống và khách quan về tính phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và mức độ bền vững của Chương trình, Dự án để có những điều chỉnh cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng cho giai đoạn thực hiện tiếp theo và áp dụng cho các Chương trình, Dự án khác.

3. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì tổ chức đánh giá Chương trình, Dự án nhất là đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc dự án bằng hình thức đánh giá cùng nhà tài trợ. Việc thuê tư vấn độc lập

đánh giá chỉ tiến hành trong những trường hợp cần thiết và do Lãnh đạo Tổng cục quyết định.

4. Công tác đánh giá được tiến hành theo các hình thức sau:

4.1. Đánh giá ban đầu: Đánh giá ban đầu phải được tiến hành ngay sau khi bắt đầu thực hiện Chương trình, Dự án. Chủ dự án giao Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì hoặc thuê tư vấn độc lập thực hiện đánh giá ban đầu. Đánh giá ban đầu tập trung vào việc xem xét tình hình thực tế của Chương trình, Dự án sau khi khởi động theo các nội dung sau:

a) Công tác chuẩn bị thực hiện, tổ chức, huy động các nguồn lực của Ban quản lý dự án để bảo đảm việc thực hiện Chương trình, Dự án theo đúng mục tiêu và kế hoạch đề ra;

b) Những vấn đề phát sinh so với văn kiện Chương trình, Dự án đã được phê duyệt:

c) Phương hướng giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải;

d) Phát sinh do các yếu tố khách quan.

Kết quả đánh giá ban đầu được sử dụng để rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình, Dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình, Dự án cho năm đầu tiên.

4.2. Đánh giá giữa kỳ: Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì tổ chức thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập tiến hành đánh giá giữa kỳ vào giữa thời gian thực hiện Chương trình, Dự án hoặc sau khi kết thúc một giai đoạn đối với Chương trình, Dự án gồm nhiều giai đoạn. Đánh giá giữa kỳ gồm các nội dung sau:

a) Tính phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình, Dự án với mục tiêu đề ra;

b) Mức độ hoàn thành của Chương trình, Dự án cho đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch thực hiện Chương trình, Dự án đã được phê duyệt;

c) Các khuyến nghị, kể cả việc điều chỉnh thiết kế, mục tiêu Chương trình, Dự án, nếu cần;

d) Các bài học về xây dựng, thực hiện và quản lý các Chương trình, Dự án.

Chậm nhất trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá giữa kỳ của tư vấn, chủ dự án phải gửi đến cơ quan chủ quản và nhà tài trợ báo cáo đánh giá giữa kỳ do nhà tư vấn lập và báo cáo phản hồi đánh giá giữa kỳ của chủ dự án, trong đó phân tích các phát hiện, các vấn đề và các đề xuất của báo cáo đánh giá, nêu rõ các biện pháp xử lý, giải quyết vấn đề, các hoạt động cần thiết đáp ứng các đề xuất, các bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Chương trình, Dự án.

4.3. Đánh giá kết thúc: Ban quản lý dự án tổ chức thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập tiến hành đánh giá kết thúc Chương trình, Dự án ngay sau khi kết thúc thực hiện và phải hoàn thành chậm nhất trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc Chương trình. Dự án được quy định tại văn kiện Chương trình, Dự án. Đánh giá kết thúc tập trung vào các nội dung sau:

- a) Thiết kế Chương trình, Dự án;
- b) Quá trình thực hiện Chương trình, Dự án;
- c) Hoạt động quản lý Chương trình, Dự án;
- d) Kết quả thực hiện các mục tiêu Chương trình, Dự án;
- d) Các nguồn lực đã huy động cho Chương trình, Dự án;
- e) Các lợi ích do dự án mang lại cho những người thụ hưởng và những người tham gia;
- g) Các tác động của Chương trình, Dự án;
- h) Tính bền vững của Chương trình, Dự án và các yếu tố đề bảo đảm tính bền vững của Chương trình, Dự án;
- i) Các bài học rút ra sau quá trình thực hiện Chương trình, Dự án;
- k) Các khuyến nghị cần thiết.

Báo cáo đánh giá kết thúc do tư vấn lập và văn bản nhận xét của chủ dự án phải được báo cáo và gửi đến cơ quan chủ quản và nhà tài trợ.

Báo cáo đánh giá kết thúc của tư vấn là cơ sở tham khảo để Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì và chủ dự án xây dựng báo cáo kết thúc Chương trình, Dự án.

4.4 . Đánh giá tác động: (Đánh giá sau dự án)

Đánh giá tác động do Tổng cục chủ trì hoặc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện. Đánh giá tác động được tiến hành trong vòng 03 năm kể từ ngày đưa Chương trình, Dự án vào khai thác, sử dụng. Nội dung đánh giá tác động gồm:

- a) Thực trạng kinh tế, kỹ thuật vận hành của Chương trình, Dự án;
- b) Tác động tới các mặt kinh tế- chính trị- xã hội của Chương trình, Dự án;
- c) Tính bền vững của Chương trình, Dự án;
- d) Các bài học thành công và thất bại của các khâu thiết kế- thực hiện- vận hành Chương trình, Dự án.

4.5. Đánh giá đột xuất:

Đánh giá đột xuất được tiến hành trong những trường hợp có những vướng mắc, khó khăn, tác động phát sinh ngoài dự kiến trong quá trình thực hiện Chương trình, Dự án.

Nội dung đánh giá đột xuất gồm:

- a) Xác định tình trạng và bản chất những phát sinh ngoài dự đoán;
- b) Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện Chương trình, Dự án, đến khả năng thực hiện mục tiêu đã đề ra;
- c) Kiến nghị các biện pháp can thiệp, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện và thời hạn hoàn thành.

Báo cáo đánh giá đột xuất là cơ sở để cơ quan chủ quản can thiệp kịp thời, triển khai các biện pháp hỗ trợ cần thiết để ngăn ngừa sự thất bại của Chương trình, Dự án.

Trong những trường hợp cần thiết, Vụ Hợp tác quốc tế và Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Tổng cục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và nhà tài trợ tổ chức đánh giá đột xuất.

5. Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì có trách nhiệm thường xuyên theo dõi Chương trình, Dự án theo các nội dung:

- a) Tiến độ thực hiện;
- b) Khối lượng, chất lượng, chi phí, giải ngân;
- c) Giám sát thực hiện theo kế hoạch dự án, điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết;
- d) Tình hình thực hiện thông tin báo cáo;
- e) Kết quả giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Điều 11. Nội dung chế độ báo cáo và hệ thống biểu mẫu báo cáo thực hiện Chương trình, Dự án

1. Các cấp báo cáo thực hiện các Chương trình, Dự án bao gồm :

a) Cấp Chương trình, Dự án: Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì lập báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình, Dự án báo cáo Lãnh đạo Tổng cục qua Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ ngành liên quan và nhà tài trợ theo qui định;

b) Cấp Tổng cục: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch tài chính tổng hợp báo cáo từ các Ban quản lý dự án, lập báo cáo tổng hợp về kết quả vận động, đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình, Dự án thuộc thẩm quyền quản lý trình Lãnh đạo Tổng cục và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Báo cáo về tình hình thực hiện các Chương trình, Dự án thực hiện theo quy định và hướng dẫn cụ thể tại Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA;

b) Báo cáo về chế độ quản lý tài chính theo Thông tư số 82/2007/TT-BTC ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau:

- Hàng năm các chủ dự án, đơn vị được giao quản lý dự án gửi báo cáo kế hoạch tài chính, dự toán thu - chi ngân sách (bao gồm cả vốn viện trợ và vốn đối ứng) đã được phê duyệt cho Chủ tài khoản, Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Kế hoạch tài chính.

- Sử dụng các nguồn tài chính của dự án theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt hàng năm. Hàng tháng, hoặc hàng quý các đơn vị được giao quản lý dự án tập hợp các chứng từ chi tiêu, thanh toán để lập các “Bảng kê tổng hợp chi tiêu, thanh toán từ nguồn viện trợ bằng tiền” theo từng “Tờ khai xác nhận viện trợ” và gửi qua Kho bạc (Ngân hàng) nơi giao dịch để xác nhận tổng số tiền chi tiêu theo bảng kê, sau đó gửi các tài liệu này cho Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch tài chính để tổng hợp báo cáo cấp trên.

- Định mức chi tiêu thực hiện theo Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “Một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)”.

Nếu Nhà tài trợ có quy định nội dung và định mức chi thì thực hiện theo cam kết ký.

- Báo cáo quyết toán thực hiện theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; thời hạn như sau:

- + Báo cáo quý chậm nhất 15 ngày sau khi hết quý;
- + Báo cáo năm chậm nhất vào ngày 31/01 năm sau;
- + Báo cáo kết thúc toàn bộ Chương trình, Dự án viện trợ, chậm nhất 6 tháng sau khi kết thúc chương trình, dự án;

Các báo cáo trên gửi về Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế.

- Đối với các dự án mới được thành lập, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có quyết định thành lập thì Ban quản lý dự án gửi Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch tài chính các nội dung sau:

- + Quyết định thành lập Ban quản lý dự án;
- + Bản tóm tắt Hiệp định ký kết hoặc dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch triển khai dự án;

• Tổng dự toán của dự án; phải nêu rõ: vốn tài trợ, vốn Việt Nam đóng góp (vốn đối ứng).

3. Kỳ báo cáo:

a) Các Ban quản lý dự án hoặc đơn vị chủ trì lập báo cáo hàng quý về tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân trình Lãnh đạo Tổng cục qua Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Kế hoạch tài chính.

b) Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch tài chính lập báo cáo tổng hợp 6 tháng và cả năm về tình hình thực hiện, tiến độ giải ngân của các Chương trình, Dự án trình Lãnh đạo Tổng cục và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 12. Công khai thông tin Chương trình, Dự án

1. Các thông tin của chương trình, dự án cần được công khai bao gồm:

a) Giới thiệu tóm tắt Chương trình, Dự án (tên Chương trình, Dự án, mục tiêu, hoạt động chủ yếu, thời gian thực hiện, nguồn vốn, Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị thực hiện)

b) Tóm tắt tình hình thực hiện các hoạt động chủ yếu và tiến độ giải ngân của Chương trình, Dự án.

2. Hình thức công bố thông tin:

a) Giới thiệu tóm tắt Chương trình, Dự án được đưa lên Website Tổng cục Thống kê

b) Tóm tắt tình hình thực hiện các Chương trình, Dự án được báo cáo tại các cuộc họp giao ban lãnh đạo cấp Vụ hàng quý tại cơ quan Tổng cục Thống kê.

3. Phân công thực hiện:

a) Ban quản lý dự án (hoặc Đơn vị chủ trì): soạn thảo văn bản Giới thiệu tóm tắt về Chương trình, Dự án gửi Trung tâm Tư liệu Thống kê để đưa lên Website Tổng cục Thống kê chậm nhất 15 ngày sau khi có quyết định thành lập Ban Quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì.

b) Vụ Hợp tác quốc tế: Căn cứ vào báo cáo tổng hợp 6 tháng và hàng năm về tình hình thực hiện tiến độ giải ngân của các Chương trình, Dự án (được nêu tại mục b, khoản 3, điều 11 Quy chế này) lập tóm tắt tình hình thực hiện của Chương trình, Dự án để trình bày tại cuộc họp giao ban cấp vụ Quý IV năm báo cáo (đối với tình hình 6 tháng), cuộc họp giao ban cấp vụ quý II năm sau năm báo cáo (đối với tình hình cả năm).

Điều 13. Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản Chương trình, Dự án

Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản Chương trình, Dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 14. Kế toán

1. Chủ dự án phải tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán, vận dụng phù hợp với từng loại hình dự án, đồng thời phải tuân thủ các quy định của nhà tài trợ được quy định trong hiệp định hoặc văn kiện của dự án nếu có.

2. Chủ dự án phải bố trí sắp xếp người làm kế toán đủ năng lực để thực hiện hạch toán kế toán các khoản viện trợ của nước ngoài theo hệ thống kế toán hiện hành của Việt Nam. Kế toán của dự án phải mô theo dõi chi tiết các khoản chi tiêu theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ, vốn đối ứng) và theo các khoản mục chi của dự toán được phê duyệt.

3. Lãi tiền gửi viện trợ: lãi trên tài khoản tiền gửi phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng theo đúng các cam kết tại các hiệp định, thỏa thuận ký với Nhà tài trợ. Trường hợp không có thỏa thuận, cam kết với Nhà tài trợ về việc sử dụng lãi tiền gửi viện trợ, chủ dự án có trách nhiệm nộp toàn bộ số lãi vào ngân sách nhà nước.

Điều 15. Quyết toán

1. Hàng năm chủ dự án có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo quyết toán năm gửi các nhà tài trợ và Vụ Kế hoạch tài chính để xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán hàng năm; thời gian báo cáo tùy thuộc quy định của văn kiện dự án.

2. Kết thúc dự án, chủ dự án đều phải lập báo cáo quyết toán gửi trình cơ quan chủ quản dự án, các nhà tài trợ và Vụ Kế hoạch tài chính, chậm nhất 6 tháng sau khi kết thúc dự án.

Điều 16. Kiểm toán

Nhà tài trợ hoặc chủ dự án tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán để kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành để làm cơ sở phê duyệt quyết toán dự án.

1. Trường hợp kiểm toán độc lập hàng năm được nhà tài trợ thuê, chủ dự án có trách nhiệm gửi các báo cáo kiểm toán độc lập về Vụ Kế hoạch tài chính;

2. Trường hợp kiểm toán do Việt Nam thực hiện chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm toán độc lập về Vụ Kế hoạch tài chính để làm cơ sở phê duyệt quyết toán dự án.

Điều 17. Quản lý tài sản

Tài sản được trang bị cấp phát cho dự án phải được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán, theo dõi đầy đủ theo chế độ quy định.

1. Quản lý, sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện Chương trình, Dự án

a) Mọi tài sản được mua, được tiếp nhận của Chương trình, Dự án để phục vụ cho hoạt động của dự án phải được sử dụng đúng mục đích, định mức tiêu chuẩn của nhà nước đã quy định.

b) Đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản phải ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản.

2. Xử lý tài sản sau khi kết thúc dự án

a) Việc quản lý và xử lý tài sản của các chương trình, dự án viện trợ sau khi dự án kết thúc, đối với các Chủ dự án là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 116/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc.

b) Khi dự án kết thúc, chủ dự án và các đơn vị sử dụng tài sản có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản theo nguyên trạng cho đến khi bàn giao xong cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận.

Điều 18. Thuế đối với các Chương trình, Dự án

1. Thuế áp dụng đối với các Chương trình, Dự án được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế và điều ước quốc tế về ODA mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đối với các Chương trình, Dự án ODA các chính sách thuế và ưu đãi thuế được thực hiện theo quy định tại Thông tư 123/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung hoặc thay thế.

Điều 19. Mua sắm đấu thầu

Việc mua sắm đấu thầu phải tuân thủ theo Luật Đấu thầu và các quy định về mua sắm hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp Nhà tài trợ yêu cầu áp

dụng quy định về mua sắm khác với luật pháp hiện hành của Việt Nam và được thoả thuận trong Điều ước quốc tế ký với nhà tài trợ thì áp dụng theo các quy định tại Điều ước quốc tế.

Chương VI

CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 20. Thực hiện thủ tục kết thúc Chương trình, Dự án

1. Sau khi kết thúc Chương trình, Dự án, Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để kết thúc Chương trình, Dự án theo quy định.

2. Các thủ tục kết thúc Chương trình, Dự án bao gồm:

a) Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì lập báo cáo kết thúc Chương trình, Dự án theo quy định của Chính phủ Việt Nam và theo quy định của phía nhà tài trợ hoặc phía đối tác nước ngoài (nếu cần thiết) gửi cho Chủ dự án, Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Mẫu báo cáo kết thúc đối với các Chương trình, Dự án ODA thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 của Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình, Dự án ODA.

b) Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì lập báo cáo tài chính của Chương trình, Dự án (bao gồm cả nguồn vốn của phía Việt Nam và nguồn vốn tài trợ) kèm theo các tài liệu liên quan và gửi Vụ Kế hoạch tài chính để thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

c) Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì thực hiện việc xử lý tài sản của Chương trình, Dự án theo quy định hiện hành.

d) Văn phòng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án hoặc Đơn vị chủ trì xử lý tài sản của Chương trình, Dự án theo thông tư 116/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của Bộ Tài chính.

Điều 21. Giải thể Ban quản lý dự án

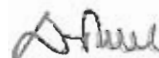
Sau khi hoàn tất thủ tục kết thúc Chương trình, Dự án, Vụ Hợp tác quốc tế sẽ trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành quyết định kết thúc Chương trình, Dự án và giải thể Ban quản lý dự án.

Chương VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án, các Ban quản lý dự án và đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị cần đề xuất kịp thời về Vụ Hợp tác quốc tế để nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh quy chế này.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đỗ Thức

Phụ lục 1: GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

1. ODA: Hỗ trợ phát triển chính thức, gồm các loại hình sau:

- ODA không hoàn lại: là hình thức cung cấp ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ;

- ODA vay ưu đãi (hay tín dụng ưu đãi): là khoản vay với các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời gian ân hạn và thời gian trả nợ;

- ODA vay hỗn hợp: là các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc các khoản vay ưu đãi được cung cấp đồng thời với các khoản tín dụng thương mại.

2. "Danh mục yêu cầu tài trợ ODA" là danh mục chương trình, dự án do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp từ các danh mục chương trình, dự án yêu cầu tài trợ ODA của cơ quan chủ quản, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Điều 8 Quy chế này làm cơ sở để vận động tài trợ ODA đối với từng nhà tài trợ.

3. "Dự án" là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

4. "Dự án hỗ trợ kỹ thuật" là dự án có mục tiêu hỗ trợ phát triển năng lực và thể chế hoặc cung cấp các yếu tố đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị, thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động cung cấp chuyên gia, đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo.

5. "Chương trình" là một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, có thời hạn thực hiện tương đối dài hoặc theo nhiều giai đoạn, nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn ở những thời điểm khác nhau, với nhiều phương thức khác nhau.

6. "Điều ước quốc tế về ODA" là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều nhà tài trợ về các vấn đề liên quan đến ODA. Điều ước quốc tế về ODA bao gồm:

7. "Cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA" (Người quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư hoặc người quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật) là các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, các cơ quan

trực thuộc Quốc hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh") có chương trình, dự án.

8. "Chủ chương trình, dự án ODA" (chủ đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư, chủ dự án đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật - sau đây gọi chung là chủ dự án) là đơn vị được Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan chủ quản giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và nguồn vốn đối ứng để thực hiện chương trình, dự án theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và quản lý, sử dụng công trình sau khi chương trình, dự án kết thúc.

9. "Vốn đối ứng" là khoản đóng góp của phía Việt Nam bằng hiện vật và giá trị để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án ODA.

**Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN
QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

STT	LĨNH VỰC	VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH	NỘI DUNG
1	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ODA (Các quy định chung)	Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 15/11/2006	Chính phủ	Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức
2		Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức
3		Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý chương trình, dự án ODA
4		Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA
5	VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ	Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001	Thủ tướng Chính phủ	Ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.
6.	QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN	Thông tư số 116/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005	Bộ Tài chính	Hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc
7		Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007	Bộ Tài chính	Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án ODA
8		Quyết định	Bộ Tài chính	Ban hành một số định

		61/2006/QĐ-BTC ngày 2/11/2006		mức chi tiêu áp dụng đối với các chương trình, dự án ODA
9		Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006	Bộ Tài chính	Ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp
10		Quyết định 19/2007/QĐ-BTC ngày 27/3/2007	Bộ Tài chính	Quy chế hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với các khoản vay và viện trợ nước ngoài của Chính phủ
11	KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ	Thông tư số 01/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008	Bộ ngoại giao	Hướng dẫn trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức